

SỞ GD&ĐT TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT TÂN PHÚ

Biểu mẫu 10
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	264	55	58	57	94
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	245 (92.80%)	54 (98.18%)	58 (100%)	50 (87.72%)	83 (88.30%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	19 (7.20%)	01 (1.82%)	0 (0%)	07 (12.28%)	11 (11.70%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	264	55	58	57	94
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	89 (33.71%)	25 (45.45%)	27 (46.55%)	09 (15.79%)	28 (29.79%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	135 (51.14%)	22 (40%)	27 (46.55%)	34 (59.65%)	52 (55.32%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	40 (15.15%)	08 (14.55%)	04 (6.90%)	14 (24.56%)	14 (14.89%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	264 (100%)	55 (100%)	58 (100%)	57 (100%)	94 (100%)

Trường TH-THCS-THPT Tân Phú

519 Kênh Tân Hóa, P. Hòa Thạnh,
Q. Tân Phú, TP.HCM

T: 0911 97 7171
W: igc.edu.vn

a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	88 (33.33%)	24 (43.64%)	27 (46.55%)	09 (15.79%)	28 (29.79%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	136 (51.52%)	23 (41.82%)	27 (46.55%)	34 (59.65)	52 (55.32%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	41/10 (15.53%/3.79%)	01/0 (1.82%/0%)	12/06 (20.69%/10.34%)	14/02 (17.54%/3.51%)	14/02 (14.89%/2.13%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	0%	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	0%	0	0	0	0
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0%	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghệp	94/22	0	0	0	94/22
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghệp	94	0	0	0	94
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	28/94 (29.79%)	0	0	0	28 (29.79%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	52/94 (55.32%)	0	0	0	52 (55.32%)
3	Trung bình	14/94 (14.89%)	0	0	0	14 (14.89%)

	(Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	264/105	36/19	29/29	39/18	55/39
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	18	07	04	02	05

....., ngày 30. tháng 5 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Vĩnh Trường



